

NGHIÊN CỨU, CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀO PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH VÀ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

★ PGS, TS NGUYỄN THỊ NGỌC HOA

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

● **Tóm tắt:** *Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ (KH-CN) và đổi mới sáng tạo (ĐM-ST) vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững (PTKTN&BV) ở Việt Nam hiện nay là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Bài viết khái quát thành tựu đạt được; làm rõ những hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH-CN và ĐM-ST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay.*

● **Từ khóa:** *khoa học - công nghệ; ứng dụng khoa học - công nghệ; đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế nhanh và bền vững.*

1. Khái quát thành tựu đạt được trong đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH-CN và ĐM-ST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Nghị quyết số 793/NQ-UBTVQH15 ngày 07/6/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 và Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ

tướng Chính phủ... Tiếp tục tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH-CN và ĐM-ST vào phục vụ PTKTN&BV nhằm tạo bứt phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đã hoàn thiện, trình Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 17 đề án/văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KH-CN và ĐM-ST¹; ban hành theo thẩm quyền 28 Thông tư².

Thứ hai, hoàn thiện, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; trình Ban Bí thư dự thảo Chỉ thị về công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo³. Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương: (i) trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức; (ii) trình Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; (iii) trình Chính phủ dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023⁴; tiếp tục hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024.

Thứ ba, Xây dựng, hoàn thiện các luật chuyên ngành về nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: (i) Xây dựng, hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; (ii) Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật KHCN (sửa đổi), lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật năng lượng nguyên tử (sửa đổi), trình Chính phủ năm 2024; (iii) hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đặc biệt, để thực hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước, xứng đáng với vị trí, vai trò của sứ mệnh của lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Quốc gia về đẩy mạnh nghiên cứu,

chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST. Hội đồng là tổ chức phối hợp liên ngành có chức năng giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết các vấn đề quan trọng trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách.

Thứ tư, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, phương thức đầu tư và cơ chế tài chính cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST theo Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 11/01/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW; Luật KHCN năm 2013; Luật Ngân sách nhà nước. Tập trung nghiên cứu, rà soát, tổng kết thi hành Luật KHCN năm 2013, là cơ sở xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Luật KHCN (sửa đổi), trong đó có đề xuất hoàn thiện chính sách liên quan đến đầu tư và cơ chế tài chính cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN. Rà soát, đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KHCN⁵.

Thứ năm, nghiên cứu, đề xuất triển khai các chế độ, chính sách đãi ngộ, vượt trội cho đội ngũ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST theo Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 quy định về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 21/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư...

Thứ sáu, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV nói chung và cán bộ khoa học nói riêng đã được ban hành đầy đủ và đồng bộ, trong đó đã có một số quy định ưu đãi, trọng dụng cá nhân hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST có thành tích xuất sắc, chính sách đặc thù đối với nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nhà khoa học trẻ tài năng⁶.

2. Những hạn chế trong đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay

Bên cạnh những thành tựu đạt được như đã nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay cũng còn không ít hạn chế.

Thứ nhất, việc tổ chức xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV còn chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Công tác phối hợp với các bộ, ngành còn chưa chặt chẽ dẫn đến một số chính sách về đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST còn mâu thuẫn, chông chéo, thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ với các chính sách trong lĩnh vực khác (kinh tế, đầu tư, tài chính, đầu thầu...), chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ dẫn đến chính sách, pháp luật chậm đi vào cuộc sống.

Thứ hai, kết quả thực hiện chính sách thu hút các nhà khoa học người Việt Nam ở nước

ngoài, chuyên gia nước ngoài còn khá khiêm tốn vì nhiều nguyên nhân khác nhau: thu nhập, điều kiện, môi trường làm việc không bảo đảm hoặc chưa đủ hấp dẫn; quy định về điều kiện, tiêu chuẩn để được tham gia làm việc chính thức trong các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST trong nước còn nhiều cứng nhắc, không phù hợp. Thiếu thống nhất trong việc ban hành và triển khai thực hiện chính sách ưu đãi đối với cá nhân hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN & BV và không vượt qua được các quy định của pháp luật đối với viên chức và các đơn vị sự nghiệp nói chung.

Thứ ba, sự phối hợp giữa các bộ, ngành và các cấp địa phương chưa thực sự quyết liệt cho việc thực hiện triển khai các nhiệm vụ trong chiến lược đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV đến năm 2030, dẫn đến sự chậm trễ trong việc đề xuất các nhiệm vụ KHCN đáp ứng yêu cầu của các Chương trình KHCN và các đề xuất nhiệm vụ KHCN trọng tâm nhằm giải quyết các bài toán lớn của xã hội. Tiềm lực và trình độ KHCN, đội ngũ cán bộ KHCN tuy có phát triển về số lượng nhưng chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu các nhóm nghiên cứu mạnh, thiếu các Viện nghiên cứu, trường Đại học đẳng cấp quốc tế⁷, thiếu các nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư có khả năng chỉ huy triển khai các nhiệm vụ quốc gia ở trình độ quốc tế; cơ sở vật chất kỹ thuật và trang thiết bị nghiên cứu còn chưa đồng bộ.

Thứ tư, cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa được bổ sung và hoàn thiện kịp thời; công tác tuyển dụng nhân sự còn gặp nhiều khó khăn do tiền lương, chế độ đãi ngộ thấp, thu nhập cho cán bộ giảm nên có nhiều cán bộ xin nghỉ việc. Trong khi đó,

cán bộ mới được tuyển dụng cần thời gian đào tạo để đáp ứng được yêu cầu công việc do cán bộ chuyển việc để lại. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ công việc, công cụ tra cứu, hệ thống công nghệ thông tin chậm được bổ sung, thay thế, nâng cấp, một phần do thủ tục đầu tư còn vướng mắc, nguồn vốn còn hạn chế... Việc đổi mới quy trình công việc, ứng dụng chuyển đổi số chưa thực sự đáp ứng yêu cầu công việc⁸.

3. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay

3.1. Nguyên nhân của thành tựu

Nguyên nhân chủ yếu của thành tựu nêu trên là do có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ các nhà khoa học, sự cố gắng của các doanh nghiệp và nhân dân.

Ngay từ thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương vận dụng công nghệ - thông tin trong một số lĩnh vực. Bước sang thời kỳ đổi mới, chủ trương ấy đã được nhấn mạnh và cụ thể hóa trong nhiều nghị quyết của Đảng và Chính phủ. Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/3/1991 của Bộ Chính trị về KHCN trong sự nghiệp đổi mới đã nêu: *“Tập trung sức phát triển một số ngành khoa học công nghệ mũi nhọn như điện tử, tin học,...”*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) ngày 30/7/1994 xác định: *“Ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, như công nghệ thông tin phục vụ yêu cầu điện tử hoá và tin học hoá nền kinh tế quốc dân”*. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII nhấn mạnh: *“ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc dân, tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế... Hình thành mạng thông tin quốc gia*

liên kết với một số mạng thông tin quốc tế”...

Để thể chế hóa về mặt Nhà nước, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 49/CP ngày 04/8/1993 về “Phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong những năm 90”. Nghị quyết số 07/2000/NQ-CP ngày 05/6/2000 của Chính phủ về xây dựng và phát triển công nghiệp phần mềm giai đoạn 2000 - 2005 đang và sẽ tiếp tục tạo ra môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, kinh doanh, sản xuất và cung ứng dịch vụ phần mềm⁹.

Gần đây, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành nhiều văn bản làm cơ sở chính trị quan trọng đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay như: Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị và Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV...

Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời thể chế các văn bản của Đảng nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST như: Nghị quyết số 793/NQ-UBTVQH15 ngày 07/6/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2024; Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều

chính trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo...

3.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất: Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế nêu trên là do nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của công nghệ thông tin chưa đầy đủ; thực hiện chưa triệt để các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chưa kết hợp chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với quá trình cơ cấu lại sản xuất, kinh doanh, cải cách hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước; chậm ban hành các chính sách đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; quản lý nhà nước trong các lĩnh vực máy tính, viễn thông và thông tin điện tử chưa thống nhất, thiếu đồng bộ, chưa tạo được môi trường cạnh tranh lành mạnh cho việc cung ứng dịch vụ viễn thông và Internet, chưa coi đầu tư cho xây dựng hạ tầng thông tin là loại đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội¹⁰. Nhận thức về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hệ thống chính trị và toàn xã hội còn nhiều hạn chế, chưa thống nhất. Khả năng phân tích, dự báo chiến lược về xu thế phát triển KHCN tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước còn hạn chế. Tư duy trong xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chậm được đổi mới, sức ỳ còn lớn. Quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, chưa theo kịp diễn biến thực tế. Sự phối hợp giữa các ban, bộ, ngành, giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được tháo gỡ¹¹.

Thứ hai: Nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền nhận thức về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển KHCN chưa thật đầy đủ, chưa coi đây là

một nhiệm vụ trọng tâm; chưa bố trí cán bộ lãnh đạo có đủ thẩm quyền trực tiếp chỉ đạo công tác KHCN. Đầu tư nguồn lực cho KHCN chưa tương xứng. Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về KHCN còn thiếu chủ động, quyết liệt. Chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành và giữa Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ; nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chậm được tháo gỡ. Chưa tạo được môi trường minh bạch trong hoạt động KHCN; thiếu quy định về dân chủ trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Chưa hình thành nhu cầu tự thân đủ mạnh của các doanh nghiệp trong việc phát huy vai trò của KHCN¹².

Thứ ba, chính sách, pháp luật về đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV hiện hành còn chông chéo, thiếu đồng bộ với các chính sách trong các lĩnh vực khác (ngân sách nhà nước; đầu tư, đầu thầu; thuế,...), chưa phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nhưng hiện nay trong Luật KHCN chưa có quy định về quyền được bảo vệ của người làm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong tình huống xảy ra rủi ro. Việc đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST còn nhiều vướng mắc như: (i) chi ngân sách nhà nước cho KHCN; (ii) quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước cho KHCN; (iii) quy định về Quỹ phát triển KHCN của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (iv) quy định liên quan đến Quỹ phát triển KHCN

của doanh nghiệp; (v) các quy định liên quan đến cơ chế quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước...

Thứ tư, các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV có lĩnh vực nghiên cứu rộng và đa dạng về loại hình hoạt động (nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu và phát triển, dịch vụ KHCN) do nhiều cơ quan chủ quản khác nhau (thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, đại học quốc gia, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - nghề nghiệp). Hiện nay, chỉ có một số ít tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST công lập thực hiện chức năng cung cấp dịch vụ có tiềm lực mạnh (về trang thiết bị, cơ sở vật chất; có thị trường cung ứng dịch vụ truyền thống bảo đảm ổn định và tăng trưởng nguồn thu) thì vẫn tiếp tục phát triển, bảo đảm tăng thu nhập cho cán bộ, tăng đầu tư cho tổ chức mình. Còn lại đa số các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST công lập hiện nay đang gặp khó khăn khi thực hiện cơ chế tự chủ hiện hành, đặc biệt là các tổ chức nghiên cứu khoa học cơ bản. Các khó khăn chính chủ yếu từ quan điểm tự chủ về tài chính, về lộ trình tự chủ, về quản trị tổ chức...

Thứ năm, hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV có tính đặc thù, đòi hỏi người làm công việc này có thời gian đào tạo lâu dài, đồng thời phải liên tục được bồi dưỡng nâng cao và học hỏi, cập nhật kiến thức mới, kiên trì theo đuổi đam mê, dày công nghiên cứu với thời gian và công sức lớn. Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ có tính chất “cào bằng” như hiện nay thực sự

chưa khuyến khích người làm khoa học theo đuổi con đường này lâu dài, dẫn đến lãng phí xã hội và ảnh hưởng đến sự phát triển KHCN của đất nước. Những quy định pháp luật hiện hành có một số chính sách ưu đãi (tuyển dụng đặc cách không qua thi, nâng lương vượt bậc, thăng hạng chức danh nghề nghiệp không qua thi, kéo dài thời gian công tác, trọng dụng nhân lực chất lượng cao...) mới chủ yếu tập trung vào một số cá nhân hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST có thành tích hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST và các nhà khoa học tài năng, đầu ngành, các chuyên gia,... mà chưa tính đến đội ngũ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST nói chung.

Thứ sáu, thực tiễn triển khai hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV xuất hiện nhiều nhân tố cá nhân có vai trò dẫn dắt quan trọng như trưởng nhóm nghiên cứu, kỹ sư trưởng, người đứng đầu chỉ đạo một nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ... nhưng hiện nay chưa được luật hóa các chức danh này và chưa có chính sách đi kèm tương ứng (trong khi đây là thông lệ phổ biến của các nước). Khái niệm “nhà khoa học đầu ngành” hiện còn khó xác định, vì khái niệm “ngành” trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST còn khá rộng nên mặc dù tiêu chí nhà khoa học đầu ngành đã được quy định trong Nghị định của Chính phủ nhưng thực tiễn hầu như chưa được triển khai. Sự phát triển kinh tế - xã hội trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay cũng đã làm cho một số quy định không còn phù hợp, gây ra những khó khăn, bất cập nhất định cho các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý trong quá trình áp dụng¹³.

4. Những vấn đề đặt ra trong quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV ở Việt Nam hiện nay

Để phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục hạn chế, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KHCN, trong thời gian tới, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp cần chú ý những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện, báo cáo Chính phủ các hồ sơ, dự án Luật, cụ thể: (1) Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến vào Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024); (2) Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trình Quốc hội trong năm 2025; (3) Hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật KHCN (sửa đổi) trong tháng 5/2024 và các văn bản hướng dẫn có liên quan (trong đó sửa đổi, bổ sung các quy định về cá nhân, chức danh nghề nghiệp - trưởng nhóm nghiên cứu, kỹ sư trưởng, tổng công trình sư - chức danh ưu đãi, bảo vệ và khuyến khích cán bộ khoa học mạnh dạn sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong đó chấp nhận tính rủi ro của hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh, bền vững và trong các tình huống cấp bách, khách quan vì lợi ích cộng đồng) và hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi) trong tháng 7/2024.

Thứ hai, tập trung xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản, đề án quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV thuộc Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2024, như: (1) Nghị định

sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư và cơ chế tài chính trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST; (2) Nghị định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN và ĐMST; (3) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; (4) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Thứ ba, tiếp tục nghiên cứu, rà soát, xây dựng báo cáo đề xuất với Chính phủ các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại Luật Công nghệ cao vào năm 2025. Tổ chức triển khai Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về khu công nghệ cao. Hướng dẫn các địa phương thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; phối hợp với các Ban quản lý khu công nghệ cao trong việc triển khai các hoạt động công nghệ cao. Rà soát, đánh giá, nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 74/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu công nghệ cao Hòa Lạc, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành theo đúng thủ tục quy định.

Thứ tư, xây dựng, hoàn thiện Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng vốn nhà nước. Xây dựng, hoàn thiện Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 129/2007/TTLT/BTC-BKHCN ngày 02/11/2007 hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Phát triển KHCN

quốc gia. Hoàn thiện Đề án tổ chức lại Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia từ trực thuộc Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KHCV về trực thuộc Bộ KHCV; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt Danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, trong đó có Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia trực thuộc Bộ KHCV. Ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngay sau khi Chương trình hành động được cấp có thẩm quyền ban hành.

Thứ năm, tiếp tục tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng quan tài liệu trong nước và quốc tế về các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh. Tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến của chuyên gia trong nước và quốc tế về đề án thí điểm. Hoàn thiện dự thảo Đề án thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh, trình cấp có thẩm quyền trong năm 2024. Tiếp tục nghiên cứu rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý về cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của các chương trình, nhiệm vụ KHCV, nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ KHCV vào phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các Chương trình, nhiệm vụ KHCV cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030; thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước quan tâm tham gia thực hiện các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCV và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV nhằm giải quyết các bài toán cấp thiết của ngành, lĩnh vực.

Thứ sáu, tập trung nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các giải pháp đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCV và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV, tăng năng suất lao động; xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật tạo thuận lợi cho hoạt động hỗ trợ nâng cao năng suất lao động, truy xuất nguồn gốc. Tiếp tục xây dựng, trình cấp có thẩm quyền công bố các Tiêu chuẩn Việt Nam liên quan đến truy xuất nguồn gốc. Duy trì và vận hành hiệu quả Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc, sản phẩm hàng hoá quốc gia. Mở rộng mua quyền truy cập cơ sở dữ liệu ScienceDirect, Scopus của Nhà Xuất bản Elsevier cho các Viện Nghiên cứu, trường Đại học lớn trong nước. Phát huy nền tảng kỹ thuật dùng chung của Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCV và ĐMST đã được xây dựng. Áp dụng tiêu chuẩn về dữ liệu và kết nối cho phép liên kết và chia sẻ dữ liệu hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCV và ĐMST với các cơ sở dữ liệu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCV và ĐMST đặc thù của các bộ, ngành, địa phương. Đẩy mạnh cơ chế Liên hiệp thư viện về các nguồn tin điện tử.

Thứ bảy, thúc đẩy hỗ trợ quản trị tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCV và ĐMST vào phục vụ PTKTN&BV; tập trung hỗ trợ khai thác, quản lý tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP của địa phương. Thúc đẩy bảo hộ ra nước ngoài cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng xuất khẩu. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy chế thẩm định đơn theo hướng chi tiết, dễ áp dụng từ đó giúp đẩy nhanh quá trình xử lý đơn. Đồng thời, liên tục rà soát, tổ chức sắp xếp lại quy trình xử lý đơn

để nâng cao năng suất lao động. Rà soát công tác thẩm định đơn; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cho phép thẩm định viên làm việc từ xa để nâng cao hiệu suất công việc. Đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin của Cục Sở hữu trí tuệ một cách đồng bộ, hiệu quả; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, kể cả trí tuệ nhân tạo vào công tác thẩm định đơn sở hữu công nghiệp. Thường xuyên đào tạo, nâng cao năng lực cán

bộ để có thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao, khối lượng công việc ngày càng nhiều; có chính sách đột phá, đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại cơ quan sở hữu trí tuệ. Có cơ chế phù hợp về nguồn lực, trong đó có tăng kinh phí chi thường xuyên hằng năm cho cơ quan sở hữu trí tuệ và áp dụng cơ chế quản lý cơ quan sở hữu trí tuệ tính đến đặc thù của công tác thẩm định như các cơ quan sở hữu trí tuệ trên thế giới ❖

¹ Trong đó, cấp có thẩm quyền ban hành 13 đề án/văn bản trong năm 2023 và 04 đề án/văn bản trong Quý I/2024.

² Trong đó, đã ban hành 25 Thông tư trong năm 2023 và 03 Thông tư trong Quý I/2024.

³ Tờ trình số 46-CV/BCSD ngày 18/4/2023 trình Ban Cán sự đảng Chính phủ (theo Chương trình công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2023).

⁴ Tờ trình số 1167/TTr-BKHHCN ngày 09/4/2024.

⁵ Tờ trình số 942/TTr-BKHHCN ngày 22/3/2024.

⁶ Bộ Khoa học và Công nghệ (2024), Báo cáo số 1452/BC-BKHHCN ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

⁷ Xem Trần Huỳnh: “Việt Nam có 6 đại diện vào bảng xếp hạng đại học thế giới”, trên <https://tuoitre.vn>, truy cập ngày 1/6/2024.

⁸ Bộ Khoa học và Công nghệ (2024), Báo cáo số 1452/BC-BKHHCN ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

⁹ Ban Chấp hành Trung ương: “Chi thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, trên <https://thuvien-phapluat.vn>, truy cập 1/8/2024.

¹⁰ Ban Chấp hành Trung ương: “Chi thị số 58-CT/TW ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, trên <https://thuvien-phapluat.vn>, truy cập 1/8/2024.

¹¹ Bộ Chính trị: “Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, trên <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn> truy cập 2/7/2024.

¹² Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI số 20-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

¹³ Bộ Khoa học và Công nghệ: Báo cáo số 1452/BC-BKHHCN ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện Nghị quyết số 100/2023/QH15 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.